

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2023/HNGĐ-ST

Ngày 15-8 - 2023

“V/v ly hôn giữa chị H- anh H1”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Công Tụ.
2. Ông Phạm Văn Diễn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Mai- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2023/QĐHPT-ST ngày 01/8/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1996.

Nơi cư trú: Thôn 7, xã G, huyện V, TP Hải Phòng.

- Bị đơn: Anh Vũ Hồng H1, sinh năm 1989.

Nơi cư trú: Thôn H2, xã Q, huyện Qu, tỉnh Thái Bình.

(Tại phiên tòa có mặt chị H, vắng mặt anh H1)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện được bổ sung bằng biên bản tự khai, nguyên đơn là chị Phạm Thị H trình bày: Chị và anh Vũ Hồng H1 tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Qu, tỉnh Thái Bình vào ngày 02/02/2021. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại xã Q sau đó đi lao động tự do. Trong quá trình chung sống, do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống đã dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Hiện tại chị đã trở về gia đình bố mẹ đẻ tại xã G, huyện V, TP Hải Phòng sống ly thân. Nay xét thấy tình

cảm vợ chồng không còn, chị làm đơn khởi kiện đề nghị xin được ly hôn anh H1.

Về con chung: Chị H khai chị và anh H1 có 01 con chung là Vũ Hải Đ, sinh ngày 29/9/2021, con chung hiện chị đang trực tiếp nuôi dưỡng, nếu ly hôn xảy ra chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị H khai vợ chồng không có tài sản chung, vợ chồng không có nợ chung và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Vũ Hồng H1: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập và tổng đạt hợp lệ mọi văn bản tố tụng cần thiết cho anh H1 biết và đến Tòa án giải quyết vụ kiện, nhưng anh H1 vẫn vắng mặt, không đến Tòa án giải quyết việc ly hôn, vì vậy Tòa án không ghi được lời khai của anh H1 và không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa lần 1 và lần 2 anh H1 vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Hồ sơ vụ án từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đã lập và thu thập đầy đủ các tài liệu và chứng cứ, tuân thủ đúng trình tự luật định. Tại phiên tòa việc xét xử vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng trình tự pháp luật. Đối với nguyên đơn trong các giai đoạn tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt tại các phiên hòa giải là chấp hành chưa tốt các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị H được ly hôn anh H1; Về con chung: Xử giao con chung cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung do chị H và anh H1 không yêu cầu giải quyết tài sản chung vì vậy không đặt ra giải quyết; Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn có nơi cư trú tại Thôn H2, xã Q, huyện Qu, tỉnh Thái Bình, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Phạm Thị H và anh Vũ Hồng H1 được xác lập trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Qu, tỉnh Thái Bình vào ngày 02/02/2021 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị H và anh H1 sinh sống tại gia đình anh H1 và đi lao động tự do. Trong quá trình chung sống do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống đã dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Do không thể chung sống chị H đã đưa con chung trở về gia đình bố mẹ đẻ tại xã G, huyện V, TP Hải Phòng sinh sống và sống ly thân. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị H làm đơn khởi kiện đề nghị xin được ly hôn. Còn đối với anh H1 quá trình giải quyết vụ kiện, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ để anh H1 biết và đến Tòa án tham gia hòa giải, vợ chồng có cơ hội gặp gỡ trở về đoàn tụ, nhưng anh H1 vắng mặt. Qua xác minh lời khai bà Vũ Thị Th là mẹ đẻ anh H1 và ông Vũ Văn H5 là trưởng thôn H2, xã Q đã cung cấp và xác nhận anh H1 đăng ký hộ khẩu và cư trú cùng gia đình tại thôn H2, xã Q, hiện tại anh H1 đi làm ăn tự do không cố định địa chỉ nhưng vẫn thường xuyên đi về. Quan điểm của bà Th và ông H5 đề nghị Tòa án hòa giải để chị H trở về đoàn tụ, nếu việc hòa giải không thành thì đề nghị Tòa căn cứ vào thực trạng hôn nhân để giải quyết yêu cầu của chị H theo quy định của pháp luật. Đối với chị H tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh H1. Điều đó chứng tỏ cuộc sống tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh H1 đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, cần căn cứ vào Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị H được ly hôn anh H1 là có căn cứ.

[4] Về con chung: Xét yêu cầu của chị H về nuôi dưỡng con chung cho thấy chị H và anh H1 có 01 con chung là Vũ Hải Đ, sinh ngày 29/9/2021. Quan điểm của bà Th đề nghị giao con chung cho anh H1 nuôi dưỡng, quan điểm của ông H5 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Qua xác minh cho thấy con chung hiện dưới 36 tháng tuổi đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng sống ly thân, chị H hiện tại làm công nhân có thu nhập ổn định. Vì vậy cần xử giao con chung cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy phần tài sản Tòa án không xét.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị H và anh H1 có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV

QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Vũ Hồng H1.

2/Về con chung: Xử giao con chung Vũ Hải Đ, sinh ngày 29/9/2021 cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh H1 có quyền thăm nom con chung.

3/Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005833 ngày 15/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ thành tiền án phí.

5/Về quyền kháng cáo: Chị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Anh H1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;
- UBND xã Q;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN MINH ĐỨC